

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B14QTH
TÊN HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG ĐỢT HỌC
MÃ HỌC PHẦN : MGT - 374

8

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 14/11/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	142337312	Lại Thị Vân	Anh	B14QTH1	8		8		8.5				8	8.1	Tam pháp Mất		
2	142337315	Trần Thị Lan	Anh	B14QTH1	8		8		8				9	8.6	Tam pháp Sau		
3	142337319	Mai Thị	Bé	B14QTH1	10		8.5		8.5				9	8.9	Tam pháp Chèn		
4	142337321	Đỗ Văn	Biễn	B14QTH1	8		8		8				6	6.9	Sau pháp Chèn		
5	142337325	Nguyễn Thành	Công	B14QTH1	8		4		5				6	5.8	Nam pháp Tam		
6	142337331	Nguyễn Tiến	Dũng	B14QTH1	3		0		0				HP	0.0	Khăng		
7	142337333	Đinh Thị Trúc	Đào	B14QTH1	0		6		5				7.5	6.0	Sau		
8	142337335	Phan Minh	Đạt	B14QTH1	6		6		7.5				4.5	5.6	Nam pháp Sau		
9	142337338	Nguyễn Đình	Đồng	B14QTH1	10		8		8				9	8.8	Tam pháp Tam		
10	142337339	Dương Đình	Đức	B14QTH1	7		7.5		8				7	7.3	Baý pháp Ba		
11	142337341	Thiều Quang	Đức	B14QTH1	7		9		9.5				9.5	9.2	Chèn pháp Hai		
12	142337342	Nguyễn Thị	Giang	B14QTH1	7		7		8				7.5	7.5	Baý pháp Nam		
13	142337343	Đinh Thị Mai	Hà	B14QTH1	5		7		8				8	7.6	Baý pháp Sau		
14	142337346	Tô Thị	Hà	B14QTH1	10		7.5		8.5				6.5	7.5	Baý pháp Nam		
15	142337350	Nguyễn Lê Ngọc	Hải	B14QTH1	5		8		8.5				6.5	7.0	Baý		
16	142337351	Nguyễn Minh	Hải	B14QTH1	5		6		7.5				5.5	6.0	Sau		
17	142337353	Nguyễn Lê Thảo	Hạnh	B14QTH1	8		8		5				7.5	7.0	Baý		
18	142337354	Nguyễn Thị	Hạnh	B14QTH1	8		7.5		7				8	7.7	Baý pháp Baý		
19	142337355	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	B14QTH1	8		7		7				8.5	7.9	Baý pháp Chèn		
20	142337358	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	B14QTH1	8		7.5		8				7	7.4	Baý pháp Bấu		
21	142337361	Lê Thị	Hiền	B14QTH1	8		9		8.5				9	8.8	Tam pháp Tam		
22	142337375	Trương Thị	Hòa	B14QTH1	8		7.5		8				5.5	6.6	Sau pháp Sau		
23	142337376	Lê Xuân	Hoàn	B14QTH1	8		4.5		5				HP	0.0	Khăng		
24	142337378	Hà Lê Thái	Học	B14QTH1	5		6		8				8	7.5	Baý pháp Nam		
25	142337382	Bùi Thị	Huệ	B14QTH1	8		8		7.5				7.5	7.6	Baý pháp Sau		
26	142337383	Đinh Nguyễn Minh	Huệ	B14QTH1	9		7.5		7.5				9.5	8.8	Tam pháp Tam		
27	142337385	Trần Ngọc	Hùng	B14QTH1	10		8		8.5				6	7.2	Baý pháp Hai		
28	142337388	Hoàng Thị	Huyền	B14QTH1	5		8		7				6	6.4	Sau pháp Bấu		
29	142337389	Hoàng Thu	Huyền	B14QTH1	9		7.5		8.5				8.5	8.5	Tam pháp Nam		
30	142337396	Trần Thành	Khải	B14QTH1	8		7		7.5				7.5	7.5	Baý pháp Nam		
31	142337399	Đoàn Ngọc	Khoa	B14QTH1	3		6		5				HP	0.0	Khăng		
32	142337405	Hoàng Nguyễn Phương	Lan	B14QTH1	5		9		7.5				9.5	8.5	Tam pháp Nam		
33	142337407	Tổng Thị Diệu	Lan	B14QTH1	8		8		8				7	7.5	Baý pháp Nam		
34	142337409	Đoàn Thị Mỹ	Liên	B14QTH1	9		8.5		8				8	8.2	Tam pháp Hai		
35	142337411	Lê Xuân	Liệu	B14QTH1	5		6.5		8				7.5	7.3	Baý pháp Ba		
36	142337412	Lê Thị	Linh	B14QTH1	5		4.5		7.5				V	0.0	Khăng		
37	142337418	Trần Thanh	Long	B14QTH1	3		7.5		5				7	6.2	Sau pháp Hai		
38	142337420	Ngô Thị	Luyến	B14QTH1	8		7.5		8				8.5	8.2	Tam pháp Hai		
39	142337422	Lê Duy	Lương	B14QTH1	0		0		7.5				V	0.0	Khăng		
40	142337424	Huỳnh Ngô Bích	Ly	B14QTH1	8		7.5		8.5				9	8.6	Tam pháp Sau		

Ngày thi: 14/11/2010

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	142337426	Ôn Thị Thu	Mai	B14QTH1	8		7.5		9.5				7.5	8.1	Tâm pháp Mất		
42	142337427	Trần Văn	Mạnh	B14QTH1	9		8		8.5				6	7.1	Báý pháp Mất		
43	142337428	Hồ Thị Huyền	Mi	B14QTH1	10		8		9.5				9.5	9.4	Chên pháp Bấu		
44	142337430	Nguyễn Văn	Minh	B14QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
45	142337434	Nguyễn Thị Phương	Mỹ	B14QTH1	3		4		7				4	4.7	Bấu pháp Báý		
46	142337435	Lê	Na	B14QTH1	8		8.5		8				V	0.0	Khăng		
47	142337439	Đinh Thị	Nga	B14QTH1	10		7		8.5				8	8.2	Tâm pháp Hai		
48	142337444	Võ Thị Thùy	Ngân	B14QTH1	8		8		8.5				8.5	8.4	Tâm pháp Bấu		
49	142337448	Lê Ánh	Ngọc	B14QTH1	8		7		5				7	6.6	Sầu pháp Sầu		
50	142337449	Lê Thị Bảo	Ngọc	B14QTH1	5		7.5		7				7.5	7.1	Báý pháp Mất		
51	142337465	Bùi Thanh	Phú	B14QTH1	4		7		8				7	7.0	Báý		
52	142337466	Nguyễn Thị	Phụng	B14QTH1	3		7.5		5				7.5	6.4	Sầu pháp Bấu		
53	142337468	Nguyễn Văn	Phước	B14QTH1	8		7		5				4	5.0	Nằm		
54	142337475	Nguyễn Thị Lan	Phương	B14QTH1	8		7		7.5				6.5	7.0	Báý		
55	142337477	Trương Thị	Phương	B14QTH1	10		8.5		7.5				8	8.1	Tâm pháp Mất		
56	142337478	Nguyễn Phước	Quang	B14QTH1	3		6		5				8.5	6.8	Sầu pháp Tâm		
57	142337479	Trương Hồng	Quang	B14QTH1	7		8		7.5				6.5	7.0	Báý		
58	142337480	Trần Ngọc	Quý	B14QTH1	10		7		7.5				9.5	8.8	Tâm pháp Tâm		
59	142337491	Lương Thị Hoài	Thanh	B14QTH1	8		8		7				V	0.0	Khăng		
60	142337499	Trịnh Đình	Thắng	B14QTH1	5		9		8				8.5	8.1	Tâm pháp Mất		
61	142337500	Nguyễn Thị Anh	Thi	B14QTH1	10		9.5		9.5				9.5	9.6	Chên pháp Sầu		
62	142337501	Võ Minh	Thi	B14QTH1	3		7.5		5				9	7.3	Báý pháp Ba		
63	142337505	Nguyễn Thị Phương	Thu	B14QTH1	8		7		8				7.5	7.6	Báý pháp Sầu		
64	142337521	Lê Quốc	Toán	B14QTH1	7		6		5				6.5	6.1	Sầu pháp Mất		
65	142337527	Nguyễn Thị	Trang	B14QTH1	8		7.5		5				9.5	8.0	Tâm		
66	142337529	Võ Thị Huyền	Trang	B14QTH1	8		9		8.5				9.5	9.1	Chên pháp Mất		
67	142337533	Văn Công	Trọng	B14QTH1	0		0		5				7.5	5.4	Nằm pháp Bấu		
68	142337540	Trương Văn	Tuy	B14QTH1	8		8.5		9.5				9	9.0	Chên		
69	142337544	Dương Thị Ánh	Tuyết	B14QTH1	5		8		8				8	7.7	Báý pháp Báý		
70	142337548	Đinh Thị Tiên	Vũ	B14QTH1	8		4.5		7				9	8.0	Tâm		
71	142337551	Lê Song	Vũ	B14QTH1	8		9		9.5				9.5	9.3	Chên pháp Ba		
72	142337554	Nguyễn Trần Nhật	Vy	B14QTH1	5		7		5				9	7.4	Báý pháp Bấu		
73	142337557	Nguyễn Ngọc	Xin	B14QTH1	5		7		5				7.5	6.6	Sầu pháp Sầu		
74	142337562	Đoàn	Dũng	B14QTH1	7		8.5		8.5				7	7.5	Báý pháp Nằm		
75	132337561	Trần Lan	Anh	B14QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
76	142327092	Võ Khắc	Ngọc	B14QTH2	5		8		9				5.5	6.6	Sầu pháp Sầu		
77	142327128	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	B14QTH2	6		6		9				5	6.2	Sầu pháp Hai		
78	142337313	Lê Thị Hoài	Anh	B14QTH2	8		7		8				8	7.9	Báý pháp Chên		
79	142337314	Trần Nguyễn Phương	Anh	B14QTH2	10		7		9				8.5	8.6	Tâm pháp Sầu		
80	142337323	Phạm Thị Minh	Châu	B14QTH2	5		7.5		8				V	0.0	Khăng		
81	142337326	Phạm Văn	Cường	B14QTH2	3		3		8				6	5.9	Nằm pháp Chên		
82	142337332	Nguyễn Thị	Duyên	B14QTH2	5		4		7.5				7.5	6.9	Sầu pháp Chên		
83	142337337	Phan Trung	Đông	B14QTH2	6		7		7.5				4	5.4	Nằm pháp Bấu		

Ngày thi: 14/11/2010

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
84	142337348	Vũ Thị Thanh	Hà	B14QTH2	5		3.5		8			8.5	7.5	Báý pháý	Nàm		
85	142337352	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh	B14QTH2	4		6		7.5			6	6.2	Sầu pháý	Hai		
86	142337356	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	B14QTH2	7		7.5		9			9	8.7	Tằm pháý	Báý		
87	142337357	Lê Thị Thu	Hằng	B14QTH2	7		8		8			8.5	8.2	Tằm pháý	Hai		
88	142337363	Nguyễn Thị	Hiền	B14QTH2	5		3.5		8			HP	0.0	Khăng			
89	142337369	Nguyễn Văn	Hiếu	B14QTH2	3		4		7.5			5.5	5.6	Nàm pháý	Sầu		
90	142337370	Võ Đức	Hiếu	B14QTH2	5		7.5		7.5			HP	0.0	Khăng			
91	142337371	Tôn Thị Thanh	Hoa	B14QTH2	6		6		9			6	6.8	Sầu pháý	Tằm		
92	142337380	Nguyễn Thị Thu	Hồng	B14QTH2	3		6		7.5			6.5	6.4	Sầu pháý	Bầu		
93	142337387	Trần Quốc	Huy	B14QTH2	10		8.5		7.5			7.5	7.9	Báý pháý	Chèn		
94	142337393	Phan Bích	Hường	B14QTH2	10		8		7.5			6	7.0	Báý			
95	142337402	Lê Minh	Khương	B14QTH2	5		7.5		8			7.5	7.4	Báý pháý	Bầu		
96	142337410	Hoàng Thị	Liên	B14QTH2	8		8		8			9	8.6	Tằm pháý	Sầu		
97	142337414	Phan Mỹ	Linh	B14QTH2	5		7		9			8	7.9	Báý pháý	Chèn		
98	142337421	Nguyễn Thị	Luyến	B14QTH2	3		7		0			6	4.3	Bầu pháý	Ba		
99	142337423	Nguyễn Thị Bích	Lượng	B14QTH2	0		4		0			5	3.2	Ba pháý	Hai		
100	142337431	Trần Thị Bình	Minh	B14QTH2	5		7		8			8	7.6	Báý pháý	Sầu		
101	142337432	Lê Thị Nga	My	B14QTH2	3		3.5		0			HP	0.0	Khăng			
102	142337437	Phạm Hoàng	Nam	B14QTH2	5		7.5		8			5	6.0	Sầu			
103	142337438	Phạm Trương Kỳ	Nam	B14QTH2	5		8		9			7.5	7.7	Báý pháý	Báý		
104	142337440	Nguyễn Phan Huyền	Nga	B14QTH2	10		8		7.5			7	7.5	Báý pháý	Nàm		
105	142337452	Dương Thị Hạnh	Nguyên	B14QTH2	9		7		7.5			7.5	7.6	Báý pháý	Sầu		
106	142337454	Nguyễn Thị Hiếu	Nha	B14QTH2	10		7		9			9	8.9	Tằm pháý	Chèn		
107	142337456	Lê Ngọc	Nhiên	B14QTH2	0		8		9			7.5	7.2	Báý pháý	Hai		
108	142337457	Lê Thị	Nhung	B14QTH2	10		7.5		9			9	9.0	Chèn			
109	142337461	Phạm Nguyễn Hoàng	Oanh	B14QTH2	8		7.5		7.5			7.5	7.6	Báý pháý	Sầu		
110	142337462	Trần Thị Vũ	Oanh	B14QTH2	8		7		7.5			7	7.2	Báý pháý	Hai		
111	142337467	Nguyễn Huy	Phước	B14QTH2	0		4.5		7.5			7	6.2	Sầu pháý	Hai		
112	142337469	Đặng Thị Lan	Phương	B14QTH2	5		8		7.5			6.5	6.8	Sầu pháý	Tằm		
113	142337473	Nguyễn Phước Linh	Phương	B14QTH2	8		7.5		8			7.5	7.7	Báý pháý	Báý		
114	142337474	Nguyễn Thị Hồng	Phương	B14QTH2	8		7.5		9			7	7.7	Báý pháý	Báý		
115	142337482	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	B14QTH2	8		7.5		7.5			9	8.4	Tằm pháý	Bầu		
116	142337484	Dương Phạm Khánh	Quỳnh	B14QTH2	3		3.5		9			4.5	5.4	Nàm pháý	Bầu		
117	142337485	Trang Thị	Sa	B14QTH2	9		7.5		7.5			5.5	6.6	Sầu pháý	Sầu		
118	142337487	Lê	Sơn	B14QTH2	3		3.5		7.5			4.5	5.0	Nàm			
119	142337488	Nguyễn Ngọc	Sơn	B14QTH2	8		8		7.5			HP	0.0	Khăng			
120	142337490	Nguyễn Minh	Tâm	B14QTH2	8		7.5		7.5			5	6.2	Sầu pháý	Hai		
121	142337493	Lê Văn	Thành	B14QTH2	8		7.5		7.5			7	7.3	Báý pháý	Ba		
122	142337503	Nguyễn Thị	Thoa	B14QTH2	8		7.5		7.5			9.8	8.8	Tằm pháý	Tằm		
123	142337508	Bùi Thị Thanh	Thủy	B14QTH2	5		6		7.5			6	6.3	Sầu pháý	Ba		
124	142337513	Trần Thị Thanh	Thúy	B14QTH2	3		0.5		8			4.5	4.8	Bầu pháý	Tằm		
125	142337518	Trần Trung	Tín	B14QTH2	5		7.5		7.5			6	6.4	Sầu pháý	Bầu		
126	142337519	Nguyễn Đình	Toàn	B14QTH2	10		7.5		7.5			7	7.5	Báý pháý	Nàm		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN PHÒNG ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B14QTH													
				TÊN HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG ĐỢT HỌC										8			
				MÃ HỌC PHẦN : MGT - 374										TÍNH CHỈ		3	
Ngày thi: 14/11/2010														LẦN THI		1	
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
127	142337520	Nguyễn Như Toàn	B14QTH2	8		6.5		9				4.5	6.2	Saũ pháy Hai			
128	142337522	Trịnh Đình Toán	B14QTH2	10		7.5		7.5				8	8.0	Taĩm			
129	142337524	Lê Thị Thu Trang	B14QTH2	8		8		8				8.5	8.3	Taĩm pháy Ba			
130	142337532	Trần Thị Thục Trinh	B14QTH2	5		4		7.5				7	6.6	Saũ pháy Saũ			
131	142337536	Nguyễn Hữu Quan Trực	B14QTH2	7		7		8				8.5	8.1	Taĩm pháy Mắĩ			
132	142337541	Phạm Trung Tuyên	B14QTH2	8		8.5		8				8	8.1	Taĩm pháy Mắĩ			
133	142337543	Nguyễn Thị Bích Tuyền	B14QTH2	10		7		8				5.5	6.7	Saũ pháy Baỷ			
134	142337550	Lê Long Vũ	B14QTH2	8		8		9				8.5	8.5	Taĩm pháy Nằĩ			
135	142337553	Nguyễn Ngọc Uyên Vy	B14QTH2	8		7.5		8				8.5	8.2	Taĩm pháy Hai			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	120	89%	
2	Số sinh viên nợ	15	11%	
TỔNG CỘNG :		135	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 11 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức Nguyễn Thị Quỳnh Trang

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú